TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2024/QĐST-DS	*D, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Văn T** – Sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện D, tỉnh E.

Bị đơn: Ông **Nguyễn B** – Sinh năm: 1963; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện D, tỉnh E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M** – Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện D, tỉnh E.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn B thống nhất cho đến ngày 29 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn B còn nợ vợ chồng ông T, bà M số vàng 20 (hai mươi) chỉ vàng SJC.

2.2. Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn B thống nhất đến ngày 20 tháng 8 năm 2025, ông Nguyễn B trả cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị M số vàng 20 (hai mươi) chỉ vàng SJC là hết nợ.

2.4. Án phí DS-ST: Ông Nguyễn B tự nguyện chịu 4.250.000^{đ} (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà

nước.

2.4. Hoàn trả lại cho ông Trương Văn T 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005528 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh E.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- TAND tỉnh E;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ